

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 27/2018/HNGĐ-PT

Ngày 31-7-2018

V/v tranh chấp đòi tài sản; chia
tài sản chung sau khi ly hôn;
yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng
cho quyền sử dụng đất vô hiệu,
yêu cầu hủy quyết định cá biệt.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Tố Giang

Các Thẩm phán:

Ông Lưu Hữu Giàu

Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Hồ Văn Ta - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLPT-HN&GD ngày 16 tháng 4 năm 2018 về việc: “Tranh chấp đòi tài sản; Chia tài sản chung sau khi ly hôn; Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu; Yêu cầu hủy quyết định cá biệt”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 160/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông A,

Nơi cư trú: số 897A/45, khóm G 2, phường G, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông C, sinh năm 1974, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 25/6/2018). Nơi cư trú: số 339 tổ 20, ấp H A, xã S, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà B,

Nơi cư trú: số 897A/45, khóm G 2, phường G, thành phố X, tỉnh An

Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông D, sinh năm 1964, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2018). Nơi cư trú: số 118/6B, đường R, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Văn phòng Công chứng X,

Người đại diện theo pháp luật: Ông E – Trưởng Văn phòng Công chứng X (đồng thời là công chứng viên chứng nhận văn bản công chứng).

Địa chỉ trụ sở: số 01 đường Đ, phường N, thành phố X, tỉnh An Giang.

3.2. Ủy ban nhân dân thành phố X,

Địa chỉ trụ sở: số 99 đường H nổi dài, phường L, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Ông A là nguyên đơn trong vụ án.

Các đương sự: ông C, Ông A, ông D có mặt tại phiên tòa.

Ông E vắng mặt tại phiên tòa.

Ủy ban nhân dân thành phố X xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án các cấp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

** Ý kiến và yêu cầu của Ông A (sau đây gọi tắt là Ông A hoặc nguyên đơn) thể hiện tại các đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án:*

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 9 năm 2014, Ông A trình bày:

Trong thời gian chung sống, ông và Bà B (sau đây gọi tắt là Bà B hoặc gọi tắt là bị đơn) có tạo lập được khối tài sản, gồm:

1. Căn nhà gắn với diện tích 121,4m² đất ở tại địa chỉ: phường G, thành phố X, tỉnh An Giang. Nguồn gốc đất do cha mẹ ông để lại cho ông, sau đó lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất do ông và Bà B cùng đứng tên;

2. Diện tích 2.965m² đất trồng lúa tại địa chỉ: phường G, thành phố X, tỉnh An Giang;

3. Diện tích 600m² đất trồng cây lâu năm tại địa chỉ: phường G, thành phố X, tỉnh An Giang mua lại của người khác nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất;

4. 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade biển số 67N9-0874;

5. 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future biển số 67M1-6083.

Năm 2011, ông lập hợp đồng tặng cho Bà B 50% quyền sử dụng diện tích 121,4m² đất ở và diện tích 2.965m² đất trồng lúa. Bà B đã thực hiện thủ tục

chuyển quyền quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thành phố X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011.

Năm 2014, ông và Bà B phát sinh mâu thuẫn, Bà B khởi kiện ly hôn đến Tòa án và Tòa án đã ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 195/2014/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2014.

Ông A tặng cho Bà B 50% diện tích đất, không tặng cho căn nhà nhưng hiện nay, Bà B đang chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở gắn với căn nhà cho người khác.

Ông A yêu cầu Bà B trả lại diện tích 121,4m² đất ở tại địa chỉ phường G, thành phố X, tỉnh An Giang. Ông A giao cho Bà B toàn quyền định đoạt diện tích 600m² đất trồng cây lâu năm tại địa chỉ phường G, thành phố X, tỉnh An Giang, 01 chiếc xe mô tô hiệu Air Blade biển số 67N9-0874, 01 chiếc xe mô tô hiệu Future biển số 67M1-6083.

- Theo đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 10 tháng 9 năm 2014, Ông A trình bày: Trong thời gian chung sống, ông và Bà B có tạo lập được khối tài sản, gồm:

1. Diện tích 2.965m² đất trồng lúa;
2. Diện tích 600m² đất trồng cây lâu năm;
4. 01 chiếc xe mô tô hiệu Air Blade biển số 67N9-0874;
5. 01 chiếc xe mô tô hiệu Future biển số 67M1-6083.

Ông A yêu cầu Bà B trả lại căn nhà gắn với diện tích 121,4m² đất ở tại địa chỉ phường G, thành phố X, tỉnh An Giang, vì tài sản này do cha mẹ để lại cho ông; ông đồng ý giao cho Bà B quản lý, sử dụng các tài sản: Diện tích 2.965m² đất trồng lúa, diện tích 600m² đất trồng cây lâu năm, 01 chiếc xe mô tô hiệu Air Blade biển số 67N9-0874, 01 chiếc xe mô tô hiệu Future biển số 67M1-6083.

- Theo đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 17 tháng 5 năm 2016, Ông A trình bày: Yêu cầu Tòa án hủy 02 (hai) hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 121,4m² đất ở và 2.965m² đất trồng lúa lập ngày 15/02/2011.

- Theo đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 16 tháng 9 năm 2016, Ông A trình bày: Ông và Bà B có tạo lập được các tài sản chung và ông yêu cầu chia đôi, gồm các tài sản:

1. Diện tích 2.965m² đất trồng lúa;
2. 02 chiếc xe mô tô: hiệu Air Blade biển số 67N9-0874 và hiệu Future biển số 67M1-6083;
3. Tài sản nội thất: 01 bàn đá + 02 băng ghế; 01 tủ trưng bày tivi, 01 tivi hiệu Panasonic 21 inch và dàn máy karaoke hiệu Sony; 01 dàn máy vi tính Samsung; 01 bộ salon nệm + bàn kiếng; 01 giường hộp gỗ thao lao; 01 giường gỗ thao lao + 01 nệm Kim Đan; 01 két sắt; 01 máy lạnh hiệu Missubishi; 02 tủ áo nhôm; 01 tủ áo gỗ thao lao; 01 tủ chén gỗ thao lao; 01 tủ nhôm đựng bình + bếp ga; 01 tủ lạnh.

- Theo đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 11 tháng 7 năm 2017, Ông A trình bày: Yêu cầu Tòa án hủy 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 121,4m² đất ở và 2.965m² đất trồng lúa do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp cho Bà B, vì ông chỉ tặng cho 50% diện tích đất nằm trong diện tích 121,4m², ông không tặng cho căn nhà.

- Theo đơn xác định yêu cầu khởi kiện đề ngày 20 tháng 7 năm 2017, Ông A trình bày: Yêu cầu Bà B trả lại căn nhà gắn với diện tích 121,4m² đất ở tại địa chỉ phường G, thành phố X, tỉnh An Giang; Yêu cầu Bà B chia đôi các tài sản: 02 chiếc xe mô tô, tài sản nội thất, diện tích 2.965m² đất nông nghiệp; Không yêu cầu Tòa án giải quyết phần diện tích 600m² đất trồng cây lâu năm.

- Tại phiên hòa giải ngày 13 tháng 10 năm 2017, Ông A trình bày:

Ông yêu cầu Bà B trả lại tài sản riêng của ông là nhà và đất ở diện tích 121,4m²; Yêu cầu Bà B chia cho ông ½ diện tích 2.965m² đất trồng lúa; Bà B tự bán 02 chiếc xe mô tô thì phải chịu trách nhiệm chia cho ông ½ giá trị, trị giá 02 chiếc xe bằng 100.000.000đ; Bà B bán dàn máy hát karaoke và cặp thùng pass thì phải chịu trách nhiệm chia cho ông ½ giá trị, trị giá dàn máy hát karaoke bằng 3.000.000đ.

Ông A yêu cầu Tòa án hủy 02 (hai) hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 121,4m² đất ở và 2.965m² đất trồng lúa lập ngày 15/02/2011; Yêu cầu Tòa án hủy 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 121,4m² đất ở và 2.965m² đất trồng lúa do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp cho Bà B, vì ông tặng quyền sử dụng đất cho con nuôi là Đ nhưng bị Bà B lừa dối lập hợp đồng tặng quyền sử dụng đất cho Bà B.

Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản nội thất gồm: 01 bàn đá + 02 băng ghế; 01 tủ trưng bày tivi, 01 tivi hiệu Panasonic 21 inch; 01 dàn máy vi tính Samsung; 01 bộ salon nệm + bàn kiếng; 01 giường hộp gỗ thao lao; 01 giường gỗ thao lao + 01 nệm Kim Đan; 01 kết sắt; 01 máy lạnh hiệu Missubishi; 02 tủ áo nhôm; 01 tủ áo gỗ thao lao; 01 tủ chén gỗ thao lao; 01 tủ nhôm đựng bình + bếp ga; 01 tủ lạnh.

* Theo bản tự khai và tại phiên hòa giải ngày 13 tháng 10 năm 2017, bị đơn Bà B trình bày: Trong quá trình chung sống, bà và Ông A có các tài sản chung:

1. Căn nhà gắn với diện tích 121,4m² đất ở tại địa chỉ phường G, thành phố X, tỉnh An Giang;

2. Diện tích 2.965m² đất trồng lúa tại địa chỉ phường G, thành phố X, tỉnh An Giang;

3. 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade biển số 67N9-0874;

4. 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future biển số 67M1-6083;

5. Tài sản nội thất: 01 bàn đá + 02 băng ghế; 01 tủ đang trưng bày tivi, 01 tivi hiệu Panasonic 21 inch; 01 dàn máy karaoke hiệu Sony; 01 bộ salon nệm +

bàn kiếng; 01 giường hộp gỗ thao lao; 01 giường gỗ thao lao + 01 nệm Kim Đan; 01 kết sắt; 01 máy lạnh hiệu Missubishi; 02 tủ áo nhôm; 01 tủ áo gỗ thao lao; 01 tủ chén gỗ thao lao; 01 tủ nhôm đựng bình + bếp ga; 01 tủ lạnh.

Năm 2011, Ông A đã tặng cho bà 50% diện tích đất ở và 50% diện tích đất trồng lúa, hợp đồng tặng cho có công chứng tại Văn phòng công chứng X của ông E, bà đã được Ủy ban nhân dân thành phố X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Nay không còn là tài sản chung nên không đồng ý chia theo yêu cầu của Ông A.

Trong thời gian bà và Ông A còn sống chung, bà đã bán các tài sản: Đàn máy hát karaoke giá 200.000đ để chi tiêu trong gia đình; bán 02 chiếc xe để trả nợ vay của Quỹ tín dụng G, trả nợ cho em gái tên G và sửa nhà. Nay không còn nên không đồng ý chia theo yêu cầu của Ông A. Các tài sản nội thất còn lại, bà và Ông A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà và Ông A không có tài sản chung là diện tích 600m² đất trồng cây lâu năm.

Ông A tặng cho bà 50% diện tích 121,4m² đất ở, không tặng cho căn nhà có trên đất nên hiện nay bà và Ông A còn tài sản chung là căn nhà cất tại địa chỉ phường G, thành phố X, tỉnh An Giang, bà đồng ý chia cho Ông A ½ giá trị căn nhà, trị giá căn nhà là 140.000.000đ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông E – Trưởng Văn phòng công chứng X có văn bản trình bày: Ngày 15/02/2016, Ông A viết phiếu yêu cầu công chứng Hợp đồng tặng cho 50% quyền sử dụng đất cho Bà B. Qua thẩm tra tính pháp lý quyền sử dụng đất theo hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 328062, số vào sổ: H00113Ae cấp ngày 22/3/2005 và số AD 611574, số vào sổ: H01547aA cấp ngày 08/11/2005. Ông A và Bà B trực tiếp đọc Hợp đồng và được Công chứng viên giải thích rõ nội dung của Hợp đồng, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên, Ông A và Bà B đồng ý và ký tên từng trang của Hợp đồng, Hợp đồng tặng cho được công chứng. Quy trình công chứng Hợp đồng tặng cho đã thực hiện đúng ý chỉ của Ông A và Bà B và đúng với Luật Công chứng.

- Ủy ban nhân dân thành phố X: có Công văn số 5511/UBND-NC ngày 25/12/2017 ý kiến đối với vụ án “Qua kiểm tra hồ sơ thì việc cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00998 ngày 07/3/2011 và Giấy chứng nhận số CH01086 ngày 15/4/2011 do UBND thành phố X cấp cho Bà B là đảm bảo về trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 30 Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 21/4/2010 của UBND tỉnh An Giang” (kèm theo tài liệu, chứng cứ có liên quan đến thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho Bà B) và có văn bản đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố X đã tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A về yêu cầu chia tài sản chung đối với diện tích 600m² đất trồng cây lâu năm; Tài sản nội

thất gồm: 01 bàn đá + 02 băng ghế; 01 tủ trưng bày tivi, 01 tivi hiệu Panasonic 21 inch; 01 dàn máy vi tính Samsung; 01 bộ salon nệm + bàn kiếng; 01 giường hộp gỗ thao lao; 01 giường gỗ thao lao + 01 nệm Kim Đan; 01 kết sắt; 01 máy lạnh hiệu Missubishi; 02 tủ áo nhôm; 01 tủ áo gỗ thao lao; 01 tủ chén gỗ thao lao; 01 tủ nhôm đựng bình + bếp ga; 01 tủ lạnh (do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện).

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A về yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng cho riêng quyền sử dụng đất số công chứng: 26 quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/02/2011 và Hợp đồng tặng cho riêng quyền sử dụng đất số công chứng: 27 quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/02/2011 vô hiệu do hết thời hiệu khởi kiện.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A về yêu cầu đòi tài sản căn nhà gắn với diện tích 121,4m² đất ở tọa lạc phường G, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A về yêu cầu chia tài sản chung là diện tích 2.965m² đất trồng lúa tọa lạc phường G, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A về yêu cầu chia tài sản chung là hai chiếc xe mô tô hiệu Air Blade biển số 67N9-0874 và hiệu Future biển số 67M1-6083.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A về yêu cầu chia tài sản chung là dàn máy hát karaoke và cặp loa.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận số CH 00998 ngày 07/3/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp cho Bà B và Giấy chứng nhận số CH01086 ngày 15/4/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp cho Bà B.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí hôn nhân sơ thẩm, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/01/2018, nguyên đơn Ông A làm đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố X.

Ngày 12/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X ban hành Quyết định số 230/QĐKNPT-VKS kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố X với nội dung: Đối với căn nhà cấp IV (qua định giá là 164.638.656 đồng) gắn liền với diện tích đất 121,4m² thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 77 tọa lạc phường G, được bị đơn thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; Ông A chưa tặng cho Bà B phần tài sản này và Bà B đồng ý chia 50% giá trị căn nhà cho Ông A, thể hiện một phần nội dung

tranh chấp (chia tài sản chung) được bị đơn thừa nhận và đồng ý hoàn trả 50% giá trị căn nhà cho nguyên đơn nhưng Hội đồng xét xử không ghi nhận nội dung này để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải hoàn trả 50% giá trị căn nhà là 82.319.328 đồng cho nguyên đơn là thiếu sót, chưa giải quyết triệt để nội dung vụ án, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Ngày 11/7/2018, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hoãn phiên tòa số 134/2018/QĐ-PT do người kháng cáo nguyên đơn Ông A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bà B: ông D có đơn xin xét xử vắng mặt. Ủy ban nhân dân thành phố X xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án,

Ngày 26/7/2018, ông C, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn A, giao nộp cho Tòa án Giấy ủy quyền số 51 ngày 25/6/2018 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh An Giang và đơn kháng cáo bổ sung của Ông A. Cụ thể Ông A kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết 06 nội dung:

1. Hủy 02 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 15/02/2011 do sự nhầm lẫn và hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00998 ngày 07/3/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01086 ngày 15/4/2011 do Bà B đứng tên do có sự nhầm lẫn.

2. Yêu cầu Bà B trả lại căn nhà gắn liền với đất có diện tích 121,4m² tọa lạc tại G 2, phường G, thành phố X, tỉnh An Giang vì đây là đất ông bà ngoại để lại cho cha mẹ ông, cha mẹ ông chết để lại cho ông làm phủ thờ. Đồng ý hoàn lại cho Bà B công gín giữ 50% giá trị căn nhà theo Hội đồng định giá là 82.319.328 đồng.

3. Yêu cầu chia đôi diện tích 2.965 m² (hiện nay là 2.786,8 m²) đất nông nghiệp tọa lạc tại phường G, thành phố X, tỉnh An Giang, do Bà B đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Yêu cầu chia đôi giá trị hai chiếc xe mô tô hiệu Air Blade biển số 67N9-0874 và hiệu Future biển số 67M1-6083.

5. Số tài sản còn lại (đã kê khai) yêu cầu chia đôi

6. Yêu cầu thẩm định chữ ký của Bà B vào ngày 15/02/2011 trên đơn đăng ký biến động về sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông C, người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo Ông A, trình bày:

- Ông A và Bà B quen biết và kết hôn năm 2002, không có con chung, có con nuôi tên là Đ. Khi kết hôn, Ông A và Bà B, cha mẹ Ông A ở trên phần đất

và nhà có diện tích 121,4m². Kế cận phần đất này có hai người chị của Ông A đang ở. Năm 2005, Ông A và Bà B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 121,4m² đất ở và 2.956m² đất nông nghiệp. Theo Luật đất đai năm 1993, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 121,4m² phải cấp cho hộ gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Năm 2011, Ông A có ký Hợp đồng tặng cho 50% giá trị quyền sử dụng đất diện tích 121,4m² đất ở và 2.956m² đất nông nghiệp. Ông A ký là để tặng cho con nuôi Đ, không phải tặng cho Bà B.

- Chiếc xe Guture tại biên bản đối chất, Bà B trình bày là bán vào cuối năm 2015, sau thời kỳ hôn nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Cặp loa trị giá 3.000.000 đồng mà Bà B bán chỉ có 200.000 đồng là không đúng, thể hiện việc tâu tán tài sản.

- Đề nghị thẩm định chữ ký Bà B trong đơn đăng ký biến động sử dụng đất. Nếu đây không phải là chữ ký của Bà B, thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bà B là không đúng.

- Đề nghị xác minh nguồn gốc đất diện tích 121.4m² có phải là của ông ngoại Ông A để lại cho cha mẹ Ông A không. Nếu nguồn gốc đất là của cha mẹ Ông A thì Ông A không có quyền định đoạt. Ông A ký Hợp đồng tặng cho Bà B là không đúng, đề nghị trả lại phần đất này cho Ông A.

- Đề nghị chia đôi diện tích 2.956m². Hai chiếc xe mô tô trị giá 72.000.000 đồng do Bà B đã bán, đề nghị chia đôi.

- Về căn nhà trên diện tích 121,4m², Ông A chấp nhận hoàn lại 50% giá trị căn nhà theo Hội đồng định giá là 82.319.328 đồng.

- Các phần tài sản còn lại, Ông A rút yêu cầu kháng cáo.

Ông A thống nhất với ý kiến người đại diện theo ủy quyền, không có ý kiến bổ sung.

Ông D, người đại diện theo ủy quyền của Bà B, trình bày: bản án số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố X, Bà B không kháng cáo, chấp nhận bản án. Sau đó, Bà B nhận được kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X về việc chia 50% giá trị căn nhà mà hai người chưa thỏa thuận, đây cũng chính là ý kiến của Bà B đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, tranh luận các nội dung sau:

- Về các tài sản nội thất, tại phiên tòa sơ thẩm, Ông A đã rút yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là đúng. Người đại diện của Ông A đã rút kháng cáo đối với phần này nên không tranh luận.

- Về hai chiếc xe tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, Bà B đã bán để chi phí những khoản sinh hoạt gia đình: nợ chung, sửa nhà (tại phiên tòa Ông A thừa nhận có nợ và có sửa nhà) và chi phí cho con nuôi Đ đi du học, chi phí rất lớn mà hiện tại Bà B đang lo. Nguyên đơn cho rằng bán xe năm 2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, Bà B trình bày bán xe Air Blade năm 2012 và bán xe Future

năm 2014. Ngoài lời khai các bên thì không có chứng cứ chứng minh. Dù bán sau thời kỳ hôn nhân thì cũng sử dụng chi phí hợp lý.

- Về hai thửa đất: đất gắn liền với nhà và đất trồng lúa. Đây là đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng năm 2005. Phần đất ở cấp năm 2005 khi đó vợ chồng Ông A, Bà B sống cùng cha mẹ chồng. Khi cấp đất, không ai tranh chấp. Hai người chị ở riêng, ở kế cận, không ở chung nhà, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, không ai phản đối. Đại diện nguyên đơn cho rằng đất phải cấp cho hộ gia đình là có sự nhầm lẫn, thời điểm này áp dụng Luật đất đai năm 2003, không phải Luật đất đai 1993.

- Về hai Hợp đồng tặng cho, đại diện nguyên đơn cho rằng có sự nhầm lẫn, cho là Ông A tặng cho Đ, không phải tặng cho Bà B, do Bà B và địa chính lừa dối nhưng không chứng cứ chứng minh. Điều 131, 132 Bộ luật dân sự năm 2005, nếu có sự nhầm lẫn, lừa dối thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu hai Hợp đồng; và Điều 136 quy định thời hiệu khởi kiện là 02 năm kể từ ngày ký Hợp đồng. Vì vậy, Tòa án X đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn do hết thời hiệu là đúng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ông A.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X: tại lời khai ở cấp sơ thẩm, Bà B đã chấp nhận chia 50% giá trị căn nhà, phù hợp với nội dung kháng nghị. Nhưng Tòa án sơ thẩm không giải quyết là vì Tòa án có hỏi Ông A nhiều lần về việc có yêu cầu chia giá trị căn nhà hay không, Ông A trả lời không. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Bà B đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo: sau khi xét xử sơ thẩm, Ông A kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn nên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý xét xử phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử; các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Căn cứ kháng cáo, kháng nghị và trình bày của các đương sự, Viện kiểm sát có ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tặng cho quyền sử dụng đất xác lập trên cơ sở tự nguyện giữa các bên. Ông A cho rằng bị lừa dối, ép buộc nhưng không chứng minh được. Văn bản số 20 của Văn phòng Công chứng X đã xác nhận quy trình công chứng thực hiện đúng quy định. Vì vậy, việc Ông A yêu cầu hủy Hợp đồng công chứng, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bà B là không có cơ sở chấp nhận.

Về căn nhà: Bà B xác nhận là tài sản chung nhưng Tòa sơ thẩm không ghi nhận để giải quyết là gây thiệt hại quyền lợi của Ông A nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố X kháng nghị là có căn cứ.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố X:

Buộc Bà B hoàn 50% giá trị căn nhà là 82.319.328 đồng cho Ông A.

Về án phí dân sự sơ thẩm: do sửa án nên đề nghị Hội đồng xét xử tính lại án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông A kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X kháng nghị trong thời hạn, nên Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Ủy ban nhân dân thành phố X có văn bản xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án các cấp, Văn phòng công chứng X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt.

[1.3] Tại phiên tòa, ông C, đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo nguyên đơn A rút kháng cáo đối với yêu cầu chia các tài sản chung: diện tích 600m² đất trồng cây lâu năm; tài sản nội thất gồm: 01 bàn đá + 02 băng ghế; 01 tủ trưng bày tivi, 01 tivi hiệu Panasonic 21 inch; 01 dàn máy vi tính Samsung; 01 bộ salon nệm + bàn kiếng; 01 giường hộp gỗ thao lao; 01 giường gỗ thao lao + 01 nệm Kim Đan; 01 kết sắt; 01 máy lạnh hiệu Missubishi; 02 tủ áo nhôm; 01 tủ áo gỗ thao lao; 01 tủ chén gỗ thao lao; 01 tủ nhôm đựng bình + bếp ga; 01 tủ lạnh. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần nội dung kháng cáo này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của Ông A:

[2.1.1] Về yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho riêng quyền sử dụng đất số công chứng số 26 quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/02/2011 và Hợp đồng tặng cho riêng quyền sử dụng đất số công chứng số 27 quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/02/2011 thấy rằng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2005, thời hiệu yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với

hợp đồng là 02 năm kể từ ngày hợp đồng được xác lập. Ngày 17/5/2016 Ông A nộp đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng này vô hiệu. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Bà B có yêu cầu áp dụng thời hiệu. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm e, khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho riêng quyền sử dụng đất số công chứng số 26 quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/02/2011 và Hợp đồng tặng cho riêng quyền sử dụng đất số công chứng số 27 quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/02/2011 của Ông A là có căn cứ.

[2.1.2] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00998 ngày 07/3/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01086 ngày 15/4/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp cho Bà B thấy rằng:

Trong thời kỳ hôn nhân, Ông A và Bà B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01547aA ngày 08/11/2005 thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 77, diện tích 121,4 m², loại đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại phường G, thành phố X, tỉnh An Giang; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00113Ae ngày 22/3/2005 thuộc thửa đất số 1441, tờ bản đồ số 03, diện tích 2965,0 m², loại đất 2L, đất tọa lạc tại phường G, thành phố X, tỉnh An Giang.

Ông A đã xác lập Hợp đồng tặng cho riêng quyền sử dụng đất số công chứng số 26 quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/02/2011 và Hợp đồng tặng cho riêng quyền sử dụng đất số công chứng số 27 quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/02/2011, tặng cho 50% giá trị quyền sử dụng đất theo hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho Bà B, do Văn phòng Công chứng X chứng nhận theo quy định.

Bà B lập thủ tục chuyển quyền theo quy định và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00998 ngày 07/3/2011 thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 77, diện tích 121,4 m², loại đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại phường G, thành phố X, tỉnh An Giang và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01086 ngày 15/4/2011 thuộc thửa đất số 234, tờ bản đồ số 89, diện tích 2786,8m², loại đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại phường G, thành phố X, tỉnh An Giang.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thành phố X cho Bà B là đúng trình tự, thủ tục quy định.

Đối với yêu cầu thẩm định chữ ký của Bà B tại đơn đăng ký biến động quyền sử dụng đất ngày 15/02/2011: yêu cầu này đã được đề nghị tại phiên tòa sơ thẩm và không được chấp nhận vì Bà B đã được tặng cho quyền sử dụng đất, thực hiện đăng ký biến động quyền sử dụng đất là nghĩa vụ và quyền của người sử dụng đất. Việc có phải là chữ ký của Bà B hay không, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ông A. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết, không chấp nhận yêu cầu này của Ông A.

Vì vậy, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00998 ngày 07/3/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01086 ngày 15/4/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp cho Bà B là không có cơ sở xem xét. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu này là có căn cứ.

[2.1.3] Xét yêu cầu đòi đất ở và căn nhà gắn liền với diện tích 121,4m²; yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích 2.965m² đất trồng lúa, tọa lạc tại phường G, thành phố X, tỉnh An Giang:

Hai diện tích đất này như phân tích ở mục [2.1.2] đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bà B đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Việc người đại diện theo ủy quyền của Ông A cho rằng nguồn gốc đất ở diện tích 121,4m² là của ông ngoại Ông A để lại cho cha mẹ Ông A, yêu cầu Tòa án xác minh, nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở để xem xét.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất ở diện tích 121,4m² và yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích 2.965m² đất trồng lúa, tọa lạc tại phường G, thành phố X, tỉnh An Giang của Ông A là có cơ sở.

Về căn nhà cất trên diện tích 121,4m²: đây là căn nhà Ông A và Bà B sống chung trong thời kỳ hôn nhân, đã có nhiều lần sửa chữa nhà. Bà B thừa nhận đây là tài sản chung vợ chồng. Ông A cho rằng căn nhà này là tài sản riêng của ông, nhưng không có chứng cứ chứng minh tài sản riêng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi lại căn nhà cất trên diện tích 121,4m² của Ông A là phù hợp.

[2.1.4] Về yêu cầu chia tài sản chung xe mô tô nhãn hiệu Air Blade mang biển kiểm soát số 67N9-0874 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Future mang biển kiểm soát 67M1-6083; dàn máy hát karaoke và cặp loa: Ông A và Bà B thống nhất đây là tài sản chung.

Xe mô tô nhãn hiệu Air Blade mang biển kiểm soát số 67N9-0874, dàn máy hát karaoke và cặp loa đã được Bà B bán trong thời kỳ hôn nhân. Bà B khai sử dụng tiền này để trả nợ Quỹ tín dụng G, sửa chữa nhà. Ông A không đồng ý nhưng thừa nhận có nợ Quỹ tín dụng G, có sửa chữa nhà. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung xe mô tô nhãn hiệu Air Blade mang biển kiểm soát số 67N9-0874, dàn máy hát karaoke và cặp loa của Ông A là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future mang biển kiểm soát 67M1-6083: tại biên bản đối chất (Số bút lục 98, 96, 95,94), Bà B thừa nhận bán xe vào tháng 12 năm 2014 với giá 17.000.000 đồng. Đây là tài sản chung chưa chia, Bà B bán sau khi ly hôn (Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 195/2014/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2014). Vì vậy, yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản này của Ông A là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có thiếu sót.

Do tài sản không còn, không thể định giá; nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, trên cơ sở lời khai của Bà B về số tiền bán xe là 17.000.000 đồng, buộc Bà B thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future mang biển kiểm soát 67M1-6083, tương đương 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng) cho Ông A.

[2.2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X: Bà B thừa nhận căn nhà cất trên diện tích 121,4m² là tài sản chung của vợ chồng, đồng ý thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cho Ông A. Do Ông A không đồng ý nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét với lý do nếu xem xét thì vượt quá yêu cầu khởi kiện. Nhận định này của Tòa sơ thẩm là cứng nhắc. Bởi lẽ Ông A có yêu cầu đòi lại căn nhà, tuy yêu cầu này không được chấp nhận nhưng Bà B đã thừa nhận đây là tài sản chung, nên cần phải xem xét chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Ông A. Vì vậy, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố X là có căn cứ.

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử quyết định căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố X: Buộc Bà B thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 82.319.328 đồng (Tám mươi hai triệu ba trăm mười chín ngàn ba trăm hai mươi tám đồng) và $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future mang biển kiểm soát 67M1-6083 tương đương 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng) cho Ông A. Tổng cộng: Bà B phải thanh toán cho Ông A số tiền 90.819.328 đồng (Chín mươi triệu tám trăm mười chín ngàn ba trăm hai mươi tám đồng).

[3] Về án phí sơ thẩm: do sửa án sơ thẩm nên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại theo quy định tại khoản 2 Điều 148, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố X thụ lý lại vào ngày 05 tháng 6 năm 2017, nên căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau:

[3.1] Căn cứ khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, Ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu đòi tài sản không được chấp nhận là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[3.2] Đối với yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu: căn cứ khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3.3] Căn cứ điểm f khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP,

Ông A không phải chịu án phí đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.4] Đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng: Căn cứ khoản 4 Điều 26 và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Ông A và Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, Ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Cụ thể:

Ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 6.622.500 đồng ($\frac{1}{2}$ diện tích 2.965m² đất trồng lúa, theo biên bản định giá ngày 01/9/2017, tương đương 88.950.000 đồng; $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade là 41.500.000 đồng; $\frac{1}{2}$ giá trị dàn máy hát karaoke và cặp loa là 2.000.000 đồng).

Ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.540.966 đồng tương ứng với giá trị phần tài sản được chia là 90.819.328 đồng.

Tổng cộng: Ông A phải chịu 11.463.466 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.540.966 đồng tương ứng với giá trị phần tài sản được chia là 90.819.328 đồng.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Ông A không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về chi phí tố tụng:

Ông A phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá là 2.700.000 đồng. Ông A đã nộp đủ.

Bà B tự nguyện chịu chi phí đo đạc là 89.000 đồng. Bà B đã nộp đủ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 289, khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của Ông A về yêu cầu chia tài sản chung đối với diện tích 600m² đất trồng cây lâu năm; Tài sản nội thất gồm: 01 bàn đá + 02 băng ghế; 01 tủ trưng bày tivi, 01 tivi hiệu Panasonic 21 inch; 01 dàn máy vi tính Samsung; 01 bộ salon nệm + bàn kiếng; 01 giường hộp gỗ thao lao; 01 giường gỗ thao lao + 01 nệm Kim Đan; 01 kết sắt; 01 máy lạnh hiệu Missubishi; 02 tủ áo nhôm; 01 tủ áo gỗ thao lao; 01 tủ chén gỗ thao lao; 01 tủ nhôm đựng bình + bếp ga; 01 tủ lạnh.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X. Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông A về yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future mang biển kiểm soát 67M1-6083.

Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố X.

Tuyên xử:

- Buộc Bà B thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 82.319.328 đồng (Tám mươi hai triệu ba trăm mười chín ngàn ba trăm hai mươi tám đồng) và $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future mang biển kiểm soát 67M1-6083 tương đương 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng) cho Ông A. Tổng cộng: Bà B phải thanh toán cho Ông A số tiền 90.819.328 đồng (Chín mươi triệu tám trăm mười chín ngàn ba trăm hai mươi tám đồng).

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A về yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng cho riêng quyền sử dụng đất số công chứng: 26 quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/02/2011 và Hợp đồng tặng cho riêng quyền sử dụng đất số công chứng: 27 quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/02/2011 vô hiệu do hết thời hiệu khởi kiện.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A về yêu cầu đòi tài sản căn nhà gắn với diện tích 121,4m² đất ở tọa lạc phường G, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A về yêu cầu chia tài sản chung là diện tích 2.965m² đất trồng lúa tọa lạc phường G, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A về yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe mô tô hiệu Air Blade biển số 67N9-0874.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A về yêu cầu chia tài sản chung là dàn máy hát karaoke và cặp loa.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận số CH 00998 ngày 07/3/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp cho Bà B và Giấy chứng nhận số CH01086 ngày 15/4/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp cho Bà B.

- Về chi phí tố tụng:

Ông A phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá là 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm ngàn đồng). Ông A đã nộp đủ.

Bà B tự nguyện chịu chi phí đo đạc là 89.000 đồng (Tám mươi chín ngàn đồng). Bà B đã nộp đủ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 11.463.466 đồng (Mười một triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng), được khấu trừ

4.450.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng đã nộp theo các biên lai thu số 08477 ngày 17 tháng 10 năm 2014, số 0009709 ngày 18 tháng 5 năm 2016 và số 0010358 ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X. Ông A còn phải nộp 7.013.466 đồng (Bảy triệu không trăm mười ba ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.540.966 đồng (Bốn triệu năm trăm bốn mươi ngàn chín trăm sáu mươi sáu đồng).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông A không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông A được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004977 ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tp.X;
- VKSND tp.X;
- Chi cục THADS tp.X;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tổ Giang